

DƯ THẢO:

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chí xác định dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chí xác định dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chí xác định dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp (sau đây viết tắt là dự án, phương án) để hưởng các chính sách quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và khoản 2a Điều 15 tại 116/2018/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có dự án, phương án.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Tiêu chí xác định dự án, phương án

1. Công nghệ ứng dụng có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Sản phẩm được tạo ra của dự án, phương án có chất lượng cao, phù hợp tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng sản phẩm.

3. Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng một trong các tiêu chuẩn: TCVN ISO 9001: 2015, GAP, GMP hoặc tương đương.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường; trường hợp chưa có tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh Danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp phù hợp thực tiễn sản xuất.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chuyên môn xem xét, có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 3 Quyết định này theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban giám sát tài chính quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Công báo;
- Lưu: VT, NN ()

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục:

DANH MỤC CÔNG NGHỆ CAO ỨNG DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2019/QĐ-TTg ngày ... tháng... năm 2019
của Thủ tướng Chính phủ)*

1. Công nghệ thông tin

- Công nghệ thông tin, công nghệ tự động hoá nhằm tiết kiệm nguyên liệu, thời gian, nâng cao hiệu quả sử dụng gỗ;
- Công nghệ dự báo, tích trữ và khai thác nguồn nước; công nghệ thu trữ nước để cung cấp nước ổn định, hiệu quả phục vụ đa mục tiêu;
- Công nghệ thông tin dự báo sinh vật gây hại di trú;
- Công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý phục vụ quản lý, điều hành công trình thuỷ lợi, khai thác nguồn lợi hải sản, vùng nuôi trồng thủy sản, giám sát và đánh giá mùa màng.

2. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp

- Công nghệ lai tạo giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản có ứng dụng các kỹ thuật sinh học phân tử để tạo ra các giống cây, giống con mới có đặc tính ưu việt (năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng kháng bệnh hoặc sinh vật gây hại, thích ứng với biến đổi khí hậu);
- Công nghệ sinh học trong sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp và môi trường: phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc điều hoà sinh trưởng, chế phẩm xử lý môi trường;
- Công nghệ sinh học trong giám định, chẩn đoán bệnh hại cây trồng, vật nuôi; công nghệ sản xuất và ứng dụng các bộ KIT chẩn đoán nhanh bệnh hại cây trồng, vật nuôi; thuốc thử, que thử, đoạn mồi, kháng thể;
- Công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào, phôi dinh dưỡng;
- Công nghệ tế bào động vật trong đông lạnh tinh, phôi; cấy chuyển hợp tử, phân biệt giới tính, thụ tinh ống nghiệm sản xuất giống vật nuôi;
- Công nghệ vi sinh, enzym, protein ứng dụng sản xuất quy mô công nghiệp các chế phẩm sinh học dùng trong dinh dưỡng, bảo vệ cây trồng, vật nuôi;
- Công nghệ sinh học, công nghệ viễn thám, công nghệ thông tin trong quản lý tài nguyên, phòng, chống sinh vật gây hại, trừ dịch sâu, bệnh hại cây trồng nông lâm nghiệp;
- Công nghệ giám sát và dự tính, dự báo sinh vật gây hại cây trồng; Công nghệ phòng, chống sinh vật gây hại cây trồng;
- Công nghệ sinh học sản xuất vắc - xin thú y để phòng bệnh cho vật nuôi, thủy sản;
- Công nghệ sinh học phân tử, miễn dịch học, vi sinh vật học trong phòng,

trị một số loại dịch bệnh nguy hiểm đối với trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.

- Công nghệ canh tác không dùng đất: thủy canh, khí canh, ươm, trồng cây trên giá thể, màng dinh dưỡng;

- Công nghệ chiếu xạ, công nghệ xử lý hơi nước nóng, công nghệ xử lý nước nóng, công nghệ sấy lạnh, sấy chân không trong chế biến, bảo quản nông sản;

- Công nghệ mới trong bảo quản, chế biến nông sản: công nghệ bao gói khí quyển kiểm soát; công nghệ bảo quản lạnh nhanh kết hợp với chất hấp thụ etylen để bảo quản rau, hoa, quả tươi; công nghệ tạo màng trong bảo quản rau, quả, thịt, trứng; công nghệ lên men, công nghệ sinh học, vi sinh sản xuất chế phẩm sinh học và các chất màu, chất phụ gia thiên nhiên trong bảo quản, chế biến nông sản;

- Công nghệ thâm canh, quản lý cây trồng tổng hợp (ICM); công nghệ sản xuất cây trồng, vật nuôi, thủy sản an toàn theo VietGAP;

- Công nghệ bảo quản tế bào sống (Cell Alive System) trong bảo quản thịt sống; công nghệ chế biến thịt áp lực thủy tĩnh; công nghệ chế biến thịt áp lực thủy động lực;

- Công nghệ nuôi thâm canh, nuôi siêu thâm canh thủy sản;

- Công nghệ xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản;

- Công nghệ chăn nuôi tiết kiệm nước, tái sử dụng nước, chăn nuôi tuần hoàn.

3. Công nghệ vật liệu mới

- Công nghệ nano trong sản xuất chế phẩm nano như: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm dinh dưỡng cho cây trồng, vật nuôi, keo dán gỗ, chất phủ bề mặt các sản phẩm gỗ;

- Công nghệ sản xuất giá thể, vật tư nông nghiệp, chất bảo quản, màng bao quả, màng phủ nông nghiệp, vật liệu phụ trợ cho hệ thống nhà màng, hệ thống nhà kính, hệ thống tưới;

- Công nghệ biến tính gỗ, công nghệ sấy sinh thái, công nghệ ngâm, tẩm để bảo quản gỗ; công nghệ sinh học sản xuất chế phẩm bảo quản, chế phẩm phòng, chống mối, một thế hệ mới cho sản phẩm gỗ; công nghệ sản xuất các màng phủ thân thiện với môi trường cho sản phẩm gỗ;

- Công nghệ vật liệu mới tạo các sản phẩm gỗ - composite chất lượng cao, phục vụ nguyên liệu gỗ cho xây dựng, ngành công nghiệp chế biến đồ gỗ;

- Công nghệ thi công công trình thủy lợi; công nghệ lọc, cấp nước ngọt cho vùng đất nhiễm mặn, ven biển, hải đảo;

- Công nghệ vật liệu mới, giải pháp kết cấu mới, thiết bị mới phục vụ thi công công trình thủy lợi;

- Công nghệ xử lý nước thải, vệ sinh môi trường nông thôn;

- Công nghệ xử lý vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, phân bón sau khi sử

dụng.

4. Công nghệ tự động hoá

- Công nghệ tưới phun, tưới nhỏ giọt có hệ thống điều khiển tự động, bán tự động;

- Công nghệ nhà kính, nhà lưới, nhà màng có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động;

- Công nghệ cơ giới hoá đồng bộ trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản sau thu hoạch nông lâm sản;

- Công nghệ tự động hoá trong tưới tiêu, kết hợp dinh dưỡng trong canh tác cây trồng quy mô hàng hoá;

- Công nghệ tự động hoá, bán tự động trong quá trình chăn nuôi quy mô công nghiệp, thâm canh nuôi trồng thủy sản, trồng trọt;

- Công nghệ tự động hóa trong giết mổ, chế biến, bảo quản sản phẩm chăn nuôi;

- Công nghệ tự động, bán tự động trong đánh bắt thủy sản./.